

# Màn hình Dell E2417H

## Hướng Dẫn Người Sử Dụng

Dòng máy: E2417H

Dòng máy theo quy định: E2417Hb



# Chú ý, thận trọng và cảnh báo



**CHÚ Ý:** Thông tin CHÚ Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn tận dụng tốt hơn máy tính của bạn.



**THẬN TRỌNG:** Thông tin THẬN TRỌNG chỉ báo khả năng hư hại đến phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo các hướng dẫn.



**CẢNH BÁO:** Thông tin CẢNH BÁO chỉ báo tiềm ẩn bị hư hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

---

**Bản quyền © 2016 Dell Inc. Đã đăng ký bản quyền.**

Sản phẩm này được bảo vệ bởi luật bản quyền và sở hữu trí tuệ Hoa Kỳ và quốc tế. Dell™ và logo Dell là thương hiệu của Dell Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác. Tất cả các dấu hiệu và các tên khác được đề cập ở đây có thể là thương hiệu đã đăng ký của các công ty tương ứng.

# Nội dung

<b>Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn</b> .....	<b>5</b>
Thành Phần Trong Hộp .....	5
Tính Năng Sản Phẩm .....	7
Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển .....	8
Thông Số Màn Hình .....	11
Khả Năng Cắm và Chạy .....	17
Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD .....	18
Hướng Dẫn Bảo Trì .....	18
<b>Cài Đặt Màn Hình</b> .....	<b>19</b>
Lắp Chân Đế .....	19
Kết Nối Màn Hình Của Bạn .....	20
Quản Lý Cáp Của Bạn .....	21
Tháo Chân Đế Màn Hình .....	21
Giá Đỡ Treo Tường (Tùy Chọn) .....	22
<b>Sử Dụng Màn Hình</b> .....	<b>23</b>
Bật Nguồn Màn Hình .....	23
Sử Dụng Điều Khiển Trên Bảng Điều Khiển Trước .....	23
Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) .....	25
Cài Đặt Độ Phân Giải Tối Đa .....	36



Sử dụng chức năng Nghiêng.....	37
<b>Xử lý sự cố .....</b>	<b>38</b>
Tự kiểm tra.....	38
Chẩn đoán tích hợp .....	39
Vấn Đề Thường Gặp.....	40
Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm.....	43
<b>Phụ Lục .....</b>	<b>44</b>
Thông Báo FCC (Chỉ U.S) Và Thông Tin Quy Định Khác .....	44
Liên hệ với Dell .....	44

# Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn

---

## Thành Phần Trong Hộp

Màn hình của bạn có các phụ kiện đi kèm được nêu dưới đây. Đảm bảo bạn nhận được tất cả các phụ kiện và [Liên hệ với Dell](#) kiểm tra xem có phần nào bị thiếu không.

-  **CHÚ Ý:** Một số phụ kiện có thể là tùy chọn và có thể không được giao kèm với màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc nội dung đa phương tiện có thể không có ở một số nước.
-  **CHÚ Ý:** Để lắp với chân đế khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để được hướng dẫn lắp đặt.

	Màn hình
	Chân Tay
	Bộ chân đế

	<p>Nắp Vít VESA™</p>
	<p>Cáp Nguồn (Khác nhau tùy theo quốc gia)</p>
	<p>Cáp DP</p>
	<p>Cáp VGA (ngoại trừ Bắc &amp; Nam Mỹ)</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đĩa Trình Điều Khiển Và Tài Liệu</li> <li>• Hướng Dẫn Cài Đặt Nhanh</li> <li>• Thông Tin An Toàn, Môi Trường Và Quy Định</li> </ul>

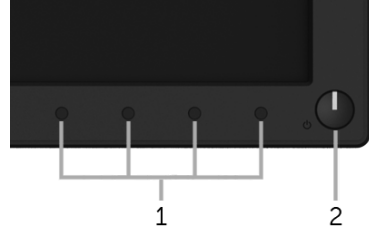
# Tính Năng Sản Phẩm

Màn hình phẳng **Dell E2417H** có Bán Dẫn Màng Mỏng (TFT), ma trận chủ động, Màn Hình Hiển Thị Tinh Thể Lỏng (LCD), và đèn nền LED. Tính năng màn hình gồm có:

- **E2417H:** Vùng nhìn được là 60,5 cm (23,8-inch) (đo chéo).  
Độ phân giải: Lên tới 1920 x 1080, qua cổng VGA và DisplayPort, có thể hỗ trợ toàn màn hình hoặc độ phân giải thấp hơn.
- Khả năng điều chỉnh nghiêng.
- Chân đế tháo rời và lỗ lắp 100 mm theo quy định của Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) mang tới giải pháp lắp ráp linh hoạt.
- Kết nối số với DisplayPort.
- Khả năng cắm và chạy nếu được hệ thống của bạn hỗ trợ.
- Điều chỉnh được Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- Đĩa phần mềm và tài liệu hướng dẫn có Tập Thông Tin (INF), Tập Khớp Màu Hình Ảnh (ICM), và tài liệu sản phẩm.
- Khe khóa an toàn.
- Khả Năng Quản Lý Tài Sản.
- Đồng Hồ Năng Lượng cho biết mức năng lượng màn hình sử dụng thực tế.
- Tối ưu sự thoải mái cho mắt với màn hình không bị nhấp và tính năng ComfortView giúp giảm thiểu phát xạ ánh sáng xanh.

# Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển

## Nhìn Từ Trước



Điều khiển trên bảng điều khiển phía trước

Nhãn	Mô tả
1	Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Sử Dụng Màn Hình</a> )
2	Nút Bật/Tắt nguồn (có chỉ báo đèn LED)



## Nhìn Từ Sau



Nhìn từ sau có chân đế

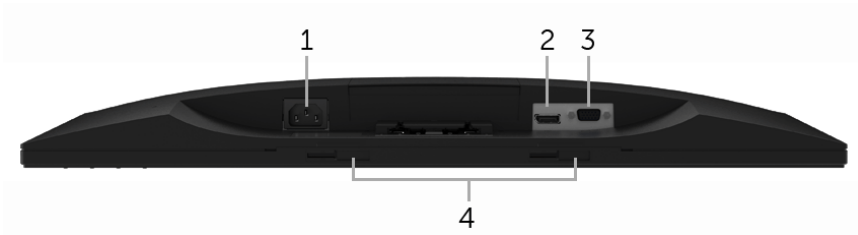
Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Lỗ lắp VESA (100 mm x 100 mm - Nắp VESA lắp phía sau)	Màn hình treo tường sử dụng bộ treo tường tương thích VESA (100 mm x 100 mm).
2	Nhãn quy định	Liệt kê các phê chuẩn theo quy định.
3	Khe khóa an toàn	Giữ an toàn màn hình với khóa an toàn (không có kèm khóa an toàn).
4	Mã vạch, số sê-ri và nhãn Thẻ dịch vụ	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật.
5	Khe quản lý cáp	Sử dụng để quản lý dây cáp bằng cách đặt chúng vào qua khe.

## Nhìn Từ Phía Bên



Bên phải

## Nhìn Từ Dưới



Nhìn từ dưới không có chân đế

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Đầu nối cáp nguồn	Nối cáp nguồn.
2	DisplayPort	Kết nối máy tính với cáp DP.
3	Đầu nối VGA	Kết nối máy tính với cáp VGA (bao gồm cáp, ngoại trừ Bắc & Nam Mỹ).
4	Khe gắn Thanh Âm Thanh Dell	Lắp Thanh Âm Thanh Dell tùy chọn. <b>CHÚ Ý:</b> Hãy tháo dải nhựa bao phủ các khe lắp trước khi lắp Thanh Âm Thanh của Dell.

# Thông Số Màn Hình

<b>Dòng máy</b>	<b>E2417H</b>
Kiểu màn hình	Ma trận chủ động - TFT LCD
Công nghệ màn hình phẳng	Công nghệ chuyển hướng trong mặt phẳng
Tỷ Lệ Khung Hình	16:9
Hình ảnh xem được	
Chéo	604,70 mm (23,8 inch)
Vùng Hoạt Động, Ngang	527,04 mm (20,75 inch)
Vùng Hoạt Động, Dọc	296,46 mm (11,67 inch)
Khu vực	156246,27 mm <sup>2</sup> (242,18 inch <sup>2</sup> )
Mật độ điểm ảnh	0,275 mm x 0,275 mm
Điểm ảnh mỗi inch (PPI)	93
Góc nhìn	Thông thường 178° (dọc) Thông thường 178° (ngang)
Độ sáng	250 cd/m <sup>2</sup> (thông thường)
Tỷ lệ tương phản	1000 đến 1 (thông thường)
Lớp phủ màn hình hiển thị	Chống lóa với độ cứng 3H
Đèn nền	Hệ thống đèn mép LED trắng
Thời gian phản hồi (thông thường)	8 ms (xám-đen-xám)
Độ sâu màu	16,7 triệu màu
Gam màu	CIE1976 (87%)*
Thiết bị tích hợp	Không áp dụng
Kết nối	<ul style="list-style-type: none"><li>• 1 x DP 1.2</li><li>• 1 x VGA</li></ul>
Độ rộng viền (mép màn hình đến vùng hoạt động)	17 mm (Trên/Trái/Phải) 18 mm (Đáy)
Khả năng điều chỉnh	
Chân chỉnh chiều cao	Không áp dụng
Nghiêng	-5° đến 21°
Xoay	Không áp dụng
Trục	Không áp dụng
Tương Thích Dell Display Manager	Có
Bảo mật	Khe khóa an toàn (khóa cáp bán riêng)

\* Gam màu (thông thường) dựa theo tiêu chuẩn kiểm tra CIE1976 (87% NTSC) và CIE1931 (72% NTSC).

## Thông Số Độ Phân Giải

<b>Dòng máy</b>	<b>E2417H</b>
Phạm vi quét ngang	30 kHz đến 83 kHz (tự động)
Phạm vi quét dọc	50 Hz đến 76 Hz (tự động)
Độ phân giải cài đặt sẵn tối đa	1920 x 1080 ở 60 Hz

## Chế độ video được hỗ trợ

<b>Dòng máy</b>	<b>E2417H</b>
Khả năng phát video (phát VGA & DP)	480i, 480p, 576i, 576p, 720p, 1080i, 1080p

## Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế Độ Hiển Thị	Tần Số Quét Ngang (kHz)	Tần Số Quét Dọc (Hz)	Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 640 x 480	31,5	60,0	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
IBM, 720 x 400	31,5	70,0	28,3	-/+
VESA, 800 x 600	37,9	60,0	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 900	60,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+

## Thông Số Điện

Dòng máy	E2417H
Tín hiệu vào video	<ul style="list-style-type: none"><li>Analog RGB, 0,7 Vôn +/- 5%, cực dương ở trở kháng vào 75 ohm</li><li>DisplayPort 1.2, 600 mV cho mỗi đường vi sai, 100 ohm trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai</li></ul>
Tín hiệu vào đồng bộ	Đồng bộ ngang và dọc riêng rẽ, mức TTL phi cực, SOG (Composite SYNC màu xanh lá cây)
Điện áp AC/tần số/ dòng điện vào	100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz $\pm$ 3 Hz / 1 A (thông thường)
Điện khởi động	<ul style="list-style-type: none"><li>120 V: 30 A (Tối đa) ở 0°C (khởi động nguội)</li><li>220 V: 60 A (Tối đa) ở 0°C (khởi động nguội)</li></ul>

## Đặc Điểm Vật Lý

Dòng máy	E2417H
Kiểu cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none"><li>Analog: D-Sub, 15 chân (bao gồm cáp, ngoại trừ Bắc &amp; Nam Mỹ)</li><li>Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân</li></ul>
<b>Kích thước (có chân đế)</b>	
Chiều cao	425,1 mm (16,73 inch)
Chiều rộng	562,6 mm (22,15 inch)
Chiều sâu	179,9 mm (7,83 inch)
<b>Kích thước (không có chân đế)</b>	
Chiều cao	333,1 mm (13,11 inch)
Chiều rộng	562,6 mm (22,15 inch)
Chiều sâu	53,5 mm (2,11 inch)
<b>Kích thước chân đế</b>	
Chiều cao	176,7 mm (6,95 inch)
Chiều rộng	250,0 mm (9,84 inch)
Chiều sâu	179,9 mm (7,83 inch)
<b>Trọng lượng</b>	
Trọng lượng gồm bao bì	5,77 kg (12,72 lb)
Trọng lượng gồm bộ chân đế và cáp	4,23 kg (9,33 lb)

Trọng lượng không có bộ chân đế (Để tham khảo khi lắp tường hoặc lắp VESA - không có cáp)	3,28 kg (7,23 lb)
Trọng lượng của bộ chân đế	0,69 kg (1,52 lb)
Độ bóng khung trước	Khung Đen - Đơn vị độ bóng (tối đa) 35

## Đặc Tính Môi Trường

<b>Dòng máy</b>	<b>E2417H</b>
<b>Tiêu Chuẩn Tương Thích</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Màn hình có chứng nhận ENERGY STAR</li> <li>Tiêu chuẩn Vàng EPEAT được đăng ký ở U.S. Việc đăng ký EPEAT khác nhau theo quốc gia. Xem <a href="http://www.epeat.net">www.epeat.net</a> để biết tình hình đăng ký theo quốc gia</li> <li>Tuân thủ RoHS</li> <li>Màn hình chứng nhận TCO</li> <li>Giảm thiểu BFR/PVC</li> <li>Màn hình bằng kính không có thạch tín và thủy ngân</li> </ul>	
<b>Nhiệt độ</b>	
Hoạt động	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo quản: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)</li> <li>Vận chuyển: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)</li> </ul>
<b>Độ ẩm</b>	
Hoạt động	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo quản: 5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> <li>Vận chuyển: 5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> </ul>
<b>Độ cao</b>	
Hoạt động	5.000 m (16.404 ft) (tối đa)
Không hoạt động	12.192 m (40.000 ft) (tối đa)
<b>Tản nhiệt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>85,3 BTU/giờ (tối đa)</li> <li>75,1 BTU/giờ (bình thường)</li> </ul>

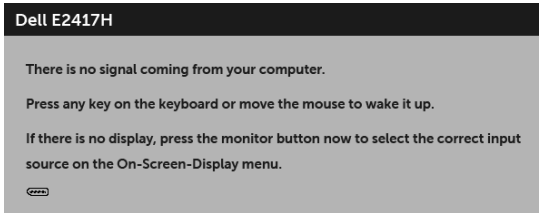
# Chế Độ Quản Lý Điện


Nếu bạn có card hoặc phần mềm hiển thị tuân thủ DPM™ của VESA cài đặt trong máy tính của bạn thì màn hình có thể tự động giảm tiêu thụ điện khi không sử dụng. Tính năng này được gọi là *Chế Độ Tiết Kiệm Điện\**. Nếu máy tính phát hiện có nhập liệu từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị nhập liệu khác, thì màn hình sẽ tự động khôi phục hoạt động. Bảng sau thể hiện mức tiêu thụ điện và báo hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.



Chế Độ VESA	Đồng Bộ Ngang	Đồng Bộ Dọc	Video	Đèn Báo Nguồn	Tiêu Thụ Điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Trắng	25 W (tối đa)** 22 W (thông thường)
Chế độ chờ	Không hoạt động	Không hoạt động	Trống	Trắng (nhấp nháy)	Nhỏ hơn 0,3 W
Tắt nguồn	-	-	-	Tắt	Nhỏ hơn 0,3 W


Energy Star	Tiêu Thụ Điện
P <sub>on</sub>	16,4 W
E <sub>TEC</sub>	51,0 kWh

OSD chỉ hoạt động trong chế độ hoạt động bình thường. Khi bất kỳ nút nào được nhấn trong chế độ tắt hoạt động, thông báo sau sẽ được hiển thị:



 **CHÚ Ý:** Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

 **CHÚ Ý:** Màn hình này tuân thủ chuẩn **ENERGY STAR®**. 

 **CHÚ Ý:**  
P<sub>on</sub>: Tiêu thụ điện của chế độ bật như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.  
E<sub>TEC</sub>: Tổng tiêu thụ điện bằng kWh như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

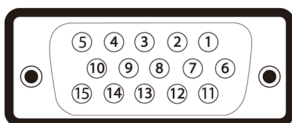
\* Chỉ có thể đạt được mức tiêu thụ điện bằng không trong chế độ TẮT bằng cách rút cáp nguồn khỏi màn hình.

\*\* Tiêu thụ điện tối đa với mức chiếu sáng tối đa.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và thể hiện hiệu suất trong phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể thể hiện khác, tùy thuộc vào phần mềm, linh kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn đặt hàng và không có nghĩa vụ phải cập nhật thông tin như vậy. Theo đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về dung sai điện hoặc những quyết định khác. Không có bảo đảm công khai hay ngụ ý về tính chính xác hay đầy đủ.

## Chỉ Định Chân

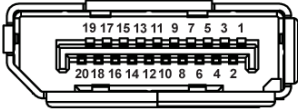
### Đầu nối VGA



Số Chân	Mặt 15 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối
1	Video-Đỏ
2	Video-Xanh lá
3	Video-Xanh dương
4	GND
5	Tự kiểm tra
6	GND-R
7	GND-G
8	GND-B
9	Máy tính 5 V/3,3 V
10	Đồng bộ-GND
11	GND
12	Dữ liệu DDC
13	Đồng bộ-ngang
14	Đồng bộ-dọc
15	Đồng hồ DDC



## Đầu nối DisplayPort



Số Chân	Mặt 20 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối
1	ML0(p)
2	GND
3	ML0(n)
4	ML1(p)
5	GND
6	ML1(n)
7	ML2(p)
8	GND
9	ML2(n)
10	ML3(p)
11	GND
12	ML3(n)
13	GND
14	GND
15	AUX(p)
16	GND
17	AUX(n)
18	GND
19	Re-PWR
20	+3,3 V DP_PWR

## Khả Năng Cắm và Chạy

Bạn có thể cài đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với khả năng Cắm và Chạy. Màn hình sẽ tự cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Biết Hiển Thị Mở Rộng (EDID) sử dụng các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự động cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Hầu hết các cài đặt màn hình là tự động; bạn có thể chọn cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi cài đặt màn hình, xem [Sử Dụng Màn Hình](#).

# Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, đôi khi có một hoặc nhiều điểm ảnh bị cố định ở một trạng thái không thay đổi, khó có thể nhìn thấy và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại:

<http://www.dell.com/support/monitors>.

## Hướng Dẫn Bảo Trì

### Vệ Sinh Màn Hình



**THẬN TRỌNG:** Đọc và làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.



**CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ điện.

Để biết cách làm tốt nhất, hãy làm theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây trong khi mở hộp, vệ sinh hoặc xử lý màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình chống tĩnh điện của bạn, nhúng nhẹ miếng vải mềm, sạch vào nước. Nếu có thể, sử dụng vải mỏng vệ sinh màn hình đặc biệt hoặc dung dịch phù hợp với lớp phủ chống tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất tẩy rửa, amoniac, chất tẩy rửa mài mòn, hoặc khí nén.
- Sử dụng vải nhúng nước ấm để vệ sinh màn hình. Tránh sử dụng bất cứ chất tẩy rửa nào do một số chất tẩy rửa để lại lớp màng trên màn hình.
- Nếu bạn thấy có lớp bột trắng khi mở hộp màn hình, hãy lau bằng miếng vải.
- Thao tác cẩn thận với màn hình do màn hình màu hơi tối có thể bị trầy xước và để lại vết trầy màu trắng có màu sáng hơn màu sáng của màn hình.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, sử dụng hình nền bảo vệ màn hình tự động thay đổi và Tắt màn hình khi không sử dụng.

# Cài Đặt Màn Hình

---

## Lắp Chân Đế



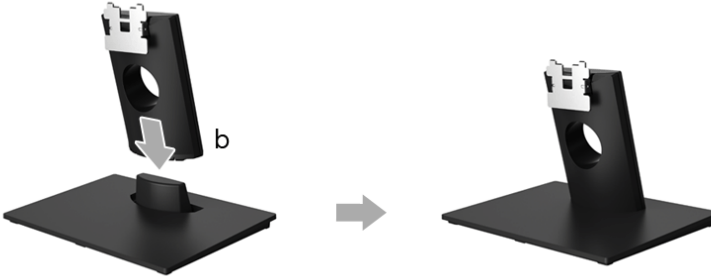
**CHÚ Ý:** Chân đế được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



**CHÚ Ý:** Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

Để lắp chân đế màn hình:

- 1 Lắp tay chân đế vào bộ chân đế.
  - a Đặt bộ chân đế màn hình vào mặt bàn ổn định.
  - b Trượt thân chân màn hình theo đúng hướng xuống bộ chân đế cho đến khi khớp vào vị trí.



- 2 Gắn bộ chân đế vào màn hình.
  - a Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm ở gần mép bàn.
  - b Gắn giá giữ bộ chân đế vào rãnh màn hình.
  - c Đưa giá giữ về phía màn hình cho đến khi nó khớp vào vị trí.



# Kết Nối Màn Hình Của Bạn

**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#).

**✍ CHÚ Ý:** Luôn cáp qua khe quản lý cáp trước khi kết nối chúng.

**✍ CHÚ Ý:** Không kết nối tất cả các cáp vào máy tính cùng một lúc.

Để kết nối với màn hình của bạn với máy tính:

- 1 Tắt máy tính của bạn và ngắt kết nối cáp nguồn.
- 2 Kết nối cáp DP hoặc VGA từ màn hình của bạn vào máy tính.

## Kết nối cáp DisplayPort (DP sang DP)



## Kết nối cáp VGA (tùy chọn)



**✍ CHÚ Ý:** Cạc đồ họa được sử dụng chỉ cho mục đích minh họa. Giao diện của các máy tính có thể thay đổi.

# Quản Lý Cáp Của Bạn



Sau khi lắp tất cả các cáp cần thiết vào màn hình và máy tính của bạn, (Xem [Kết Nối Màn Hình Của Bạn](#) về lắp cáp), sắp xếp tất cả các loại cáp như minh họa ở trên.

## Tháo Chân Đế Màn Hình

**CHÚ Ý:** Để ngăn ngừa xước màn hình LCD khi tháo chân đế, đảm bảo phải đặt màn hình trên bề mặt sạch, mềm.

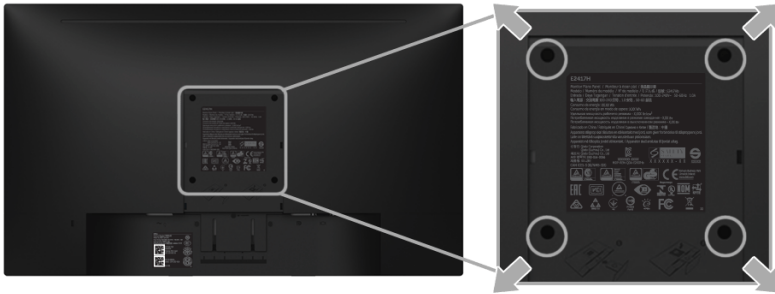
- 1 Tháo nắp vít VESA.
  - a Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm.
  - b Đồng thời nhấc cả hai bên lên để tháo nắp vít VESA khỏi màn hình.



- 2 Tháo bộ chân đế khỏi màn hình.
  - a Sử dụng tua vít dài và mỏng để đẩy chốt mở.
  - b Sau khi chốt nhả, tháo chân đế khỏi màn hình.



## Giá Đỡ Treo Tường (Tùy Chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

Tham khảo hướng dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích VESA.

- 1 Đặt khung màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- 2 Tháo chân đế.
- 3 Sử dụng một tuốc nơ vít Phillips đầu tròn để tháo bốn vít bảo vệ nắp nhựa.
- 4 Lắp giá treo tường của bộ giá đỡ treo tường vào màn hình.
- 5 Lắp màn hình lên tường bằng cách làm theo các hướng dẫn đi kèm với bộ giá đỡ treo tường.




**CHÚ Ý:** Chỉ sử dụng với giá treo tường có trong danh sách UL, có khả năng chịu trọng lượng/tải tối thiểu 13,12 kg.

# Sử Dụng Màn Hình

---

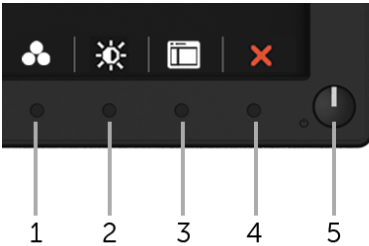
## Bật Nguồn Màn Hình

Nhấn nút  để bật màn hình.








## Sử Dụng Điều Khiển Trên Bảng Điều Khiển Trước

Sử dụng các nút điều khiển trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các đặc điểm của ảnh đang được hiển thị. Khi bạn sử dụng các nút này để điều chỉnh các điều khiển, OSD sẽ hiện các giá trị số về những đặc điểm khi chúng thay đổi.



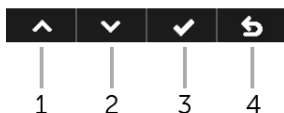
Bảng dưới đây mô tả các nút ở bảng điều khiển trước:





Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước	Mô tả
1  <b>Phím tắt/ Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)</b>	Sử dụng nút này để lựa chọn từ một danh sách các chế độ màu cài đặt trước.

2		Sử dụng nút này để truy cập trực tiếp menu <b>Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</b> .
	<b>Phím tắt/ Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</b>	
3		Sử dụng nút <b>MENU</b> để khởi chạy Hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn Menu OSD. Xem <a href="#">Truy Cập Hệ Thống Menu</a> .
	<b>Menu</b>	
4		Sử dụng nút này để quay trở lại menu chính hoặc thoát menu chính OSD.
	<b>Thoát</b>	
5		Sử dụng nút <b>Nguồn</b> để <b>Bật</b> và <b>Tắt</b> màn hình. Đèn trắng cho biết màn hình là <b>Bật</b> và hoạt động hoàn toàn. Đèn trắng nhấp nháy báo hiệu chế độ tiết kiệm điện.
	<b>Nguồn (có đèn báo nguồn)</b>	

## Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước

Sử dụng các nút trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các cài đặt hình ảnh.




Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước	Mô tả
1  <b>Lên</b>	Sử dụng nút <b>Lên</b> để điều chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.
2  <b>Xuống</b>	Sử dụng nút <b>Xuống</b> để điều chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.
3  <b>OK</b>	Sử dụng vào nút <b>OK</b> để xác nhận lựa chọn trong menu OSD.
4  <b>Quay lại</b>	Sử dụng nút <b>Quay lại</b> để trở lại menu trước.



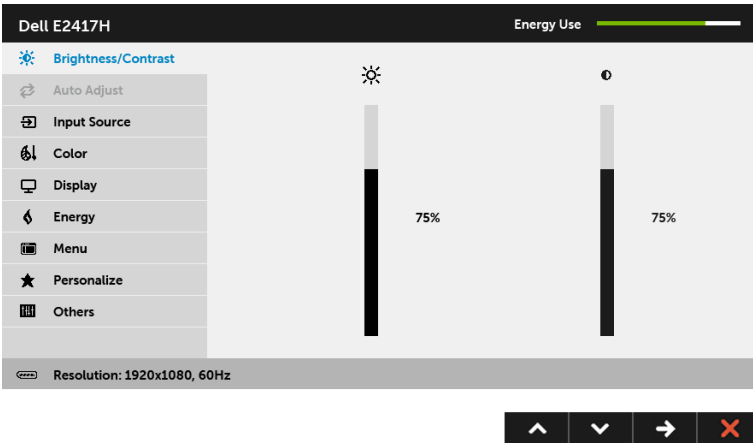
# Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)

## Truy Cập Hệ Thống Menu

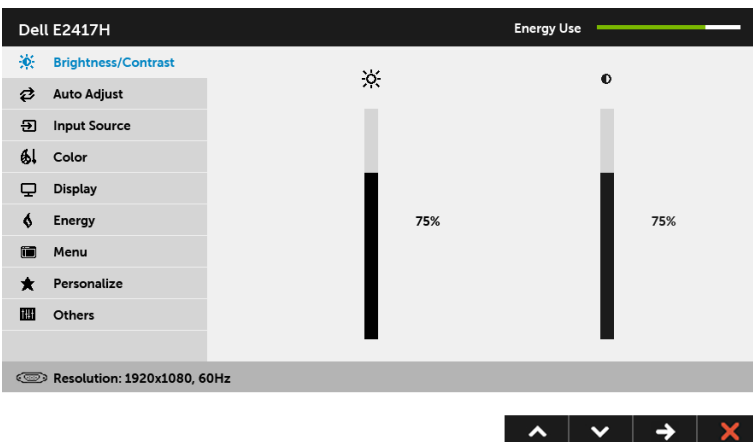
**CHÚ Ý:** Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiến tới menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu những thay đổi đó. Những thay đổi cũng được lưu nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.

- 1 Nhấn nút  để khởi chạy menu OSD và hiển thị menu chính.

## Menu Chính cho vào (DP) số



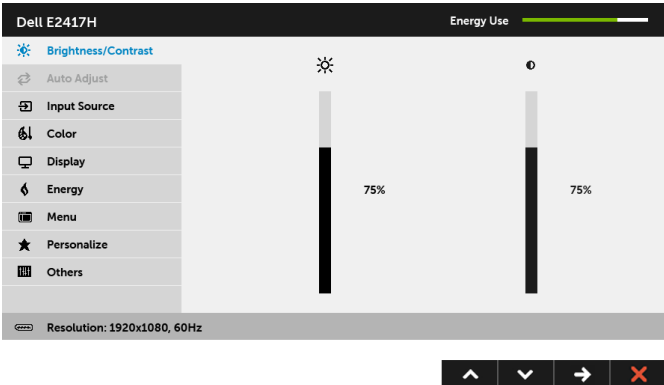
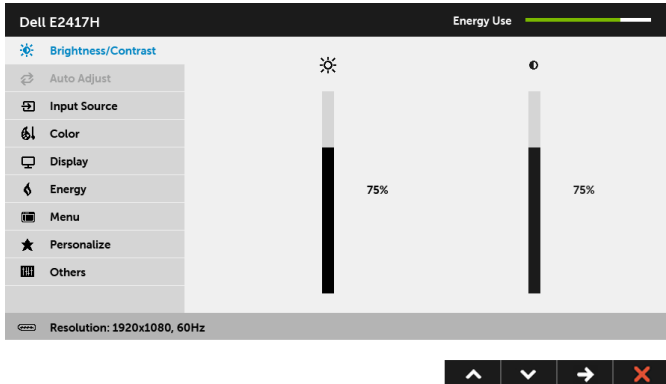
## Menu Chính cho vào analog (VGA)



**CHÚ Ý: Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)** chỉ có khi bạn đang sử dụng đầu nối analog (VGA).

- Nhấn nút **▲** và **▼** để di chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn được đánh dấu nổi bật. Xem bảng dưới đây về danh sách đầy đủ của tất cả các tùy chọn có sẵn cho màn hình.
- Nhấn nút **→** một lần để kích hoạt tùy chọn được đánh dấu nổi bật.
- Nhấn nút **▲** và **▼** để chọn thông số mong muốn.
- Nhấn **→** để vào thanh trượt và sau đó sử dụng các nút **▲** và **▼**, theo các chỉ báo trên menu, để thực hiện thay đổi.
- Chọn nút **↶** để quay trở lại menu chính.

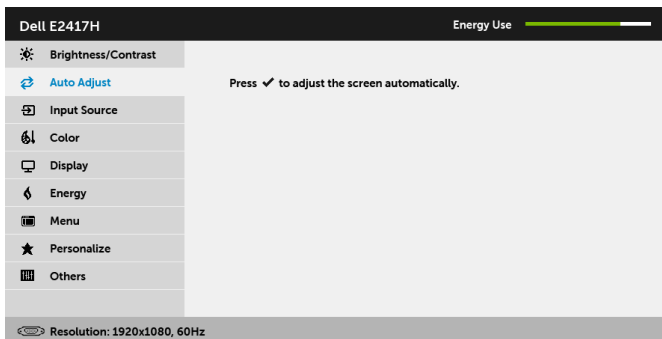
Bảng bên dưới cung cấp danh sách mọi tùy chọn menu OSD và các chức năng của chúng.

Biểu tượng	Menu và Menu phụ	Mô tả
	<b>Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</b>	Sử dụng menu này để kích hoạt điều chỉnh <b>Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</b> . 
	<b>Brightness (Độ sáng)</b>	<b>Brightness (Độ sáng)</b> điều chỉnh độ sáng của đèn nền. Nhấn nút <b>▲</b> để tăng độ sáng và nhấn nút <b>▼</b> để giảm độ sáng (tối thiểu 0 / tối đa 100).
	<b>Contrast (Độ tương phản)</b>	Trước tiên, điều chỉnh <b>Brightness (Độ sáng)</b> , sau đó điều chỉnh <b>Contrast (Độ tương phản)</b> chỉ khi cần điều chỉnh thêm. Nhấn nút <b>▲</b> để tăng độ tương phản và nhấn nút <b>▼</b> để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 / tối đa 100). Chức năng <b>Contrast (Độ tương phản)</b> điều chỉnh mức độ khác nhau giữa độ tối và độ sáng trên màn hình.



## Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)

Ngay cả khi máy tính của bạn nhận ra màn hình của bạn khi khởi động, chức năng **Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)** tối ưu hóa các cài đặt hiển thị để sử dụng với thiết lập riêng của bạn.



**Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)** cho phép màn hình tự điều chỉnh theo tín hiệu video truyền tới. Sau khi sử dụng **Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)**, bạn có thể tinh chỉnh thêm cho màn hình bằng cách sử dụng các điều khiển **Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh) (Thô)** và **Phase (Pha) (Nét)** dưới phần Cài Đặt **Display (Hiển Thị)**.



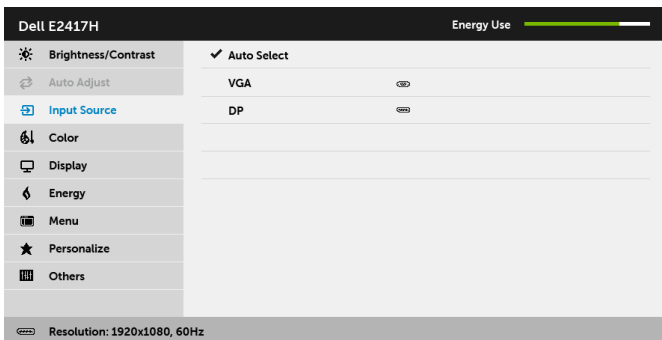
**CHÚ Ý:** Trong hầu hết các trường hợp, **Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)** tạo ra ảnh đẹp nhất cho cấu hình của bạn.

**CHÚ Ý:** Biểu tượng **Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)** chỉ có khi bạn đang sử dụng đầu nối analog (VGA).





## Input Source (Nguồn Đầu Vào)

Sử dụng menu **Input Source (Nguồn Đầu Vào)** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.



**Auto Select (Chọn Tự Động)** Bật chức năng này sẽ cho phép bạn quét tìm các nguồn đầu vào có sẵn.

**VGA** Chọn đầu vào **VGA** khi bạn sử dụng đầu nối analog (VGA). Sử dụng  để chọn nguồn đầu vào VGA.

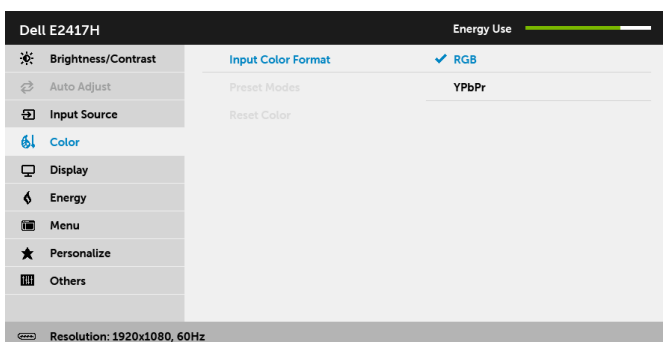
**DP** Chọn đầu vào **DP** khi bạn sử dụng đầu nối DisplayPort (DP). Nhấn  để chọn nguồn đầu vào DisplayPort.



**Color (Màu)** Sử dụng **Color (Màu)** để điều chỉnh chế độ cài đặt màu.





**Input Color Format (Định Dạng Màu Đầu Vào)** Cho phép bạn thiết lập chế độ đầu vào video sang:  
**RGB:** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính (hoặc đầu DVD) bằng cáp DP.  
**YPbPr:** Chọn tùy chọn này nếu trình phát DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.

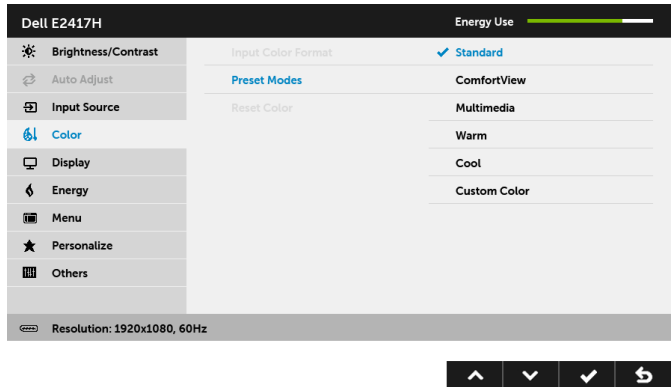


## Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)

Khi bạn chọn **Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)**, bạn có thể chọn **Standard (Tiêu Chuẩn)**, **ComfortView**, **Multimedia (Đa Phương Tiện)**, **Warm (Ấm)**, **Cool (Mát)**, hoặc **Custom Color (Màu Tùy Chỉnh)** từ danh sách.

- **Standard (Tiêu Chuẩn)**: Tái cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài đặt trước mặc định.
- **ComfortView**: Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để xem thoải mái hơn cho đôi mắt của bạn.
- **Multimedia (Đa Phương Tiện)**: Tái cài đặt màu lý tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện.
- **Warm (Ấm)**: Tăng nhiệt độ màu. Màn hình có vẻ ấm hơn với sắc màu đỏ/vàng.
- **Cool (Mát)**: Giảm nhiệt độ màu. Màn hình có vẻ mát hơn với sắc màu xanh.
- **Custom Color (Màu Tùy Chỉnh)**: Cho phép bạn tự điều chỉnh các cài đặt màu.

Sử dụng nút  và  để điều chỉnh ba giá trị màu (R, G, B) và tạo ra tùy chỉnh màu cài đặt trước của riêng bạn.



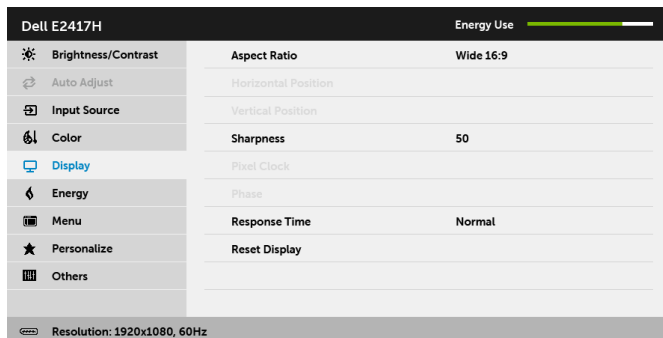
## Reset Color (Đặt Lại Màu)

Đặt lại cài đặt màu của màn hình của bạn về cài đặt gốc.



## Display (Hiển Thị)

Sử dụng **Display (Hiển Thị)** để điều chỉnh ảnh.



### Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)

Điều chỉnh tỷ lệ hình ảnh sang **Wide 16:9 (Rộng 16:9)**, **4:3**, hoặc **5:4**.

### Horizontal Position (Vị Trí Ngang)

Sử dụng hoặc để điều chỉnh ảnh trái hoặc phải. Tối thiểu là '0' (-).

Tối đa là '100' (+).

### Vertical Position (Vị Trí Dọc)

Sử dụng hoặc để điều chỉnh ảnh lên hoặc xuống. Tối thiểu là '0' (-).

Tối đa là '100' (+).

**CHÚ Ý:** Điều chỉnh **Horizontal Position (Vị Trí Ngang)** và **Vertical Position (Vị Trí Dọc)** chỉ có cho đầu vào "VGA".

### Sharpness (Độ Nét)

Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hơn hoặc mềm hơn.

Sử dụng hoặc để điều chỉnh độ nét từ '0' sang '100'.

### Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)

Điều chỉnh **Phase (Pha)** và **Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)** cho phép bạn điều chỉnh màn hình theo ý thích.

Sử dụng hoặc để điều chỉnh cho chất lượng hình ảnh tốt nhất.

### Phase (Pha)

Nếu không thu được kết quả khả quan bằng cách sử dụng điều chỉnh **Phase (Pha)**, hãy sử dụng điều chỉnh **Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)** (thô) và sau đó sử dụng lại **Phase (Pha)** (nét).

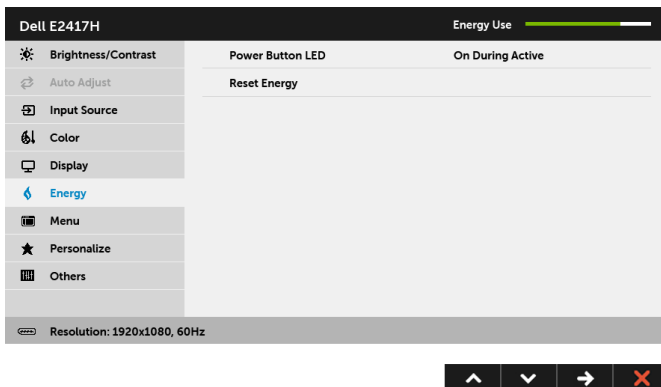
**CHÚ Ý:** Các điều chỉnh **Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)** và **Phase (Pha)** chỉ có với đầu vào "VGA".

**Response Time (Thời Gian Phản Hồi)** Cho phép bạn đặt **Response Time (Thời Gian Phản Hồi)** sang **Normal (Bình thường)** hoặc **Fast (Nhanch)**.

**Reset Display (Cài Đặt Lại Hiển Thị)** Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt hiển thị mặc định.



## Energy (Năng lượng)



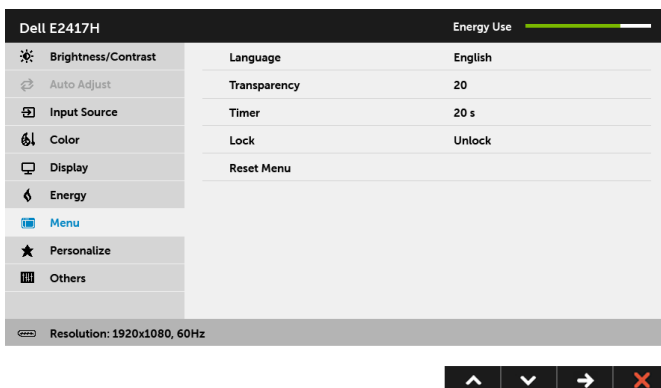
**Power Button LED (Đèn LED Nút Nguồn)** Cho phép bạn đặt **Bật** hoặc **Tắt** đèn LED nguồn để tiết kiệm năng lượng.

**Reset Energy (Đặt Lại Năng Lượng)** Chọn tùy chọn này để khôi phục cài đặt **Energy (Năng Lượng)** mặc định.





## Menu



Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt của OSD, chẳng hạn như, các ngôn ngữ của OSD, số thời gian menu vẫn còn trên màn hình, và vân vân.



**Language (Ngôn ngữ)** Các tùy chọn **Language (Ngôn ngữ)** đặt màn hình hiển thị OSD về một trong tám ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha gốc Braxin, Nga, Tiếng Trung Quốc giản thể, hay Nhật Bản).

**Transparency (Độ trong suốt)** Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách nhấn các nút  và  (tối thiểu 0/tối đa 100).

**Timer (Hẹn giờ)** Cho phép bạn thiết lập thời gian cho OSD vẫn hoạt động sau khi bạn nhấn một nút trên màn hình.

Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh thanh trượt với mức tăng là 1 giây, từ 5 đến 60 giây.

**Lock (Khóa)** Kiểm soát người dùng truy cập vào các điều chỉnh. Khi **Lock (Khóa)** được chọn, người dùng không được phép điều chỉnh. Tất cả các nút đều bị khóa.

### CHÚ Ý:

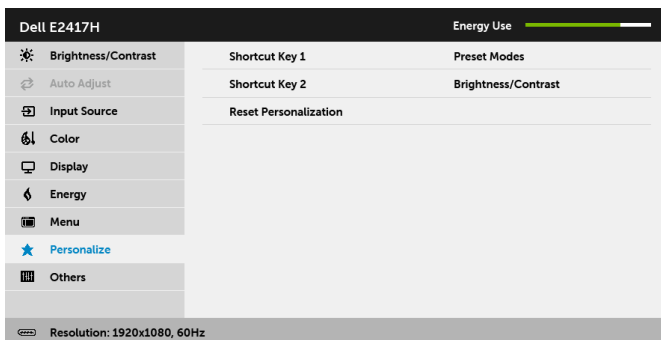
Chức năng **Unlock (Mở khóa)** – Chỉ mở khóa cứng (nhấn và giữ nút bên cạnh nút nguồn trong 6 giây).

Chức năng **Lock (Khóa)** – Dù là khóa mềm (thông qua menu OSD) hoặc khóa cứng (nhấn và giữ nút bên cạnh nút nguồn trong 6 giây).

**Reset Menu (Đặt Lại Menu)** Đặt lại cả các cài đặt OSD về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



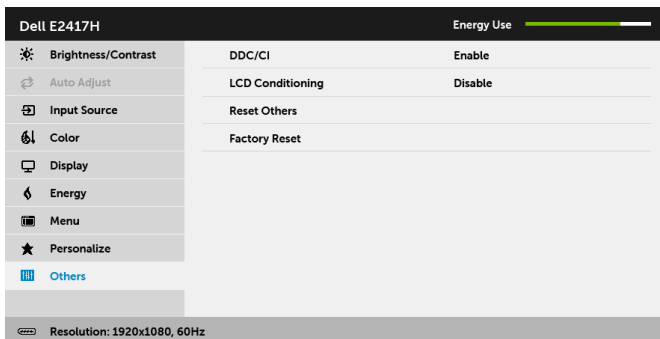
**Personalize (Cá nhân hóa)** Người dùng có thể chọn một tính năng từ **Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)**, **Input Source (Nguồn Đầu Vào)**, hoặc **Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)** và đặt nó làm phím tắt.





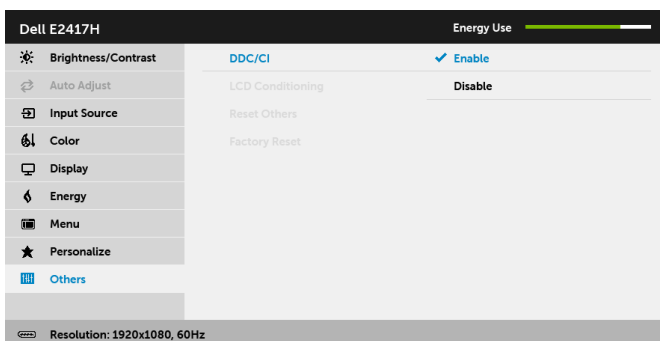


## Others (Khác) Chọn tùy chọn này để điều chỉnh cài đặt OSD, như **DDC/CI**, **LCD Conditioning (Điều Tiết LCD)**, và v.v...



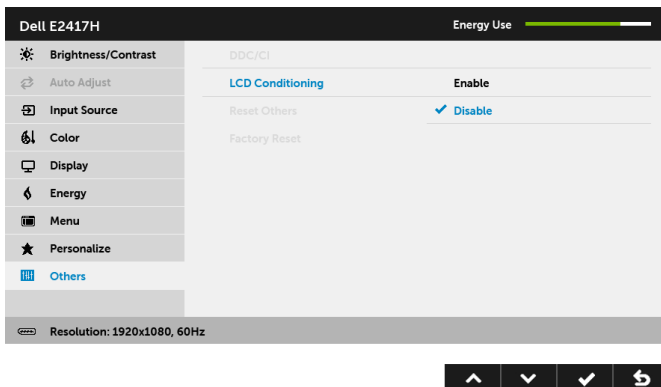
## DDC/CI

**DDC/CI** (Kênh Dữ Liệu Hiển Thị/Giao Diện Lệnh) cho phép bạn giám sát các thông số màn hình (độ sáng, cân bằng màu, và v.v) có thể được điều chỉnh qua phần mềm trên máy tính của bạn. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn **Disable (Đóng)**. Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và có hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



## LCD Conditioning (Điều Tiết LCD)

Giúp giảm bớt hiện tượng lưu ảnh. Tùy thuộc vào mức độ của hiện tượng lưu ảnh, chương trình có thể mất một lúc để chạy. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn **Enable (Mở)**.



### Reset Others (Đặt lại khác)

Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **Others (Khác)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

### Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc)

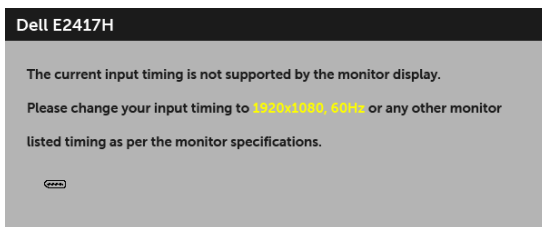
Đặt lại cả các cài đặt về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



**CHÚ Ý:** Màn hình này có tích hợp tính năng tự động hiệu chỉnh độ sáng để bù đắp cho sự lão hóa đèn LED.

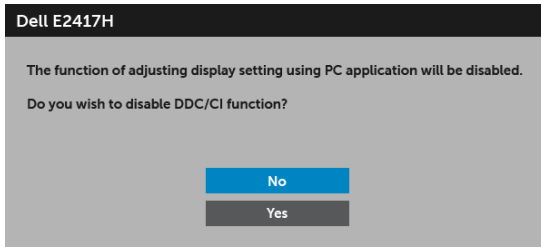
## Thông Báo Cảnh Báo OSD

Khi màn hình không hỗ trợ chế độ độ phân giải cụ thể nào đó, bạn sẽ thấy có thông báo sau:



Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với các tín hiệu mà nó nhận được từ máy tính. Xem [Thông Số Màn Hình](#) để biết phạm vi tần số ngang và dọc mà màn hình này có thể xử lý được. Chế độ khuyến dùng là 1920 x 1080.

Bạn sẽ thấy thông báo sau trước khi chức năng DDC/CI bị tắt:

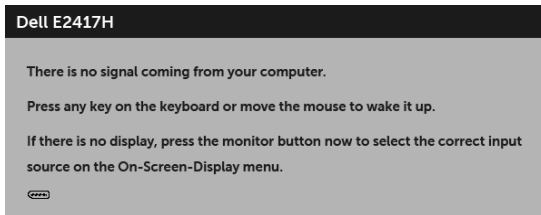


Khi màn hình vào chế độ tiết kiệm điện, thông báo sau sẽ xuất hiện:



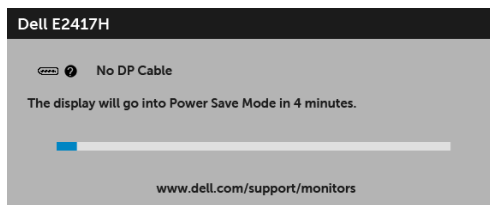
Bật máy tính và đánh thức màn hình để truy cập vào [OSD](#).

Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, thông báo sau sẽ xuất hiện tùy thuộc vào đầu vào được chọn:

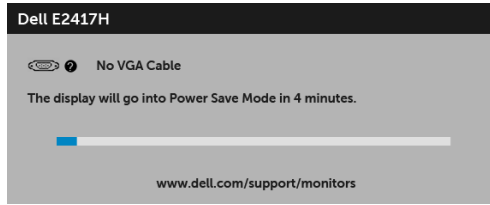


**CHÚ Ý:** Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

Nếu đầu vào DP hoặc VGA được chọn và cáp tương ứng không được kết nối, một hộp thoại nổi như hình dưới đây sẽ xuất hiện.



hoặc



Xem [Xử lý sự cố](#) để biết thêm thông tin.

## Cài Đặt Độ Phân Giải Tối Đa

Để đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trong Windows® 7, Windows® 8, và Windows® 8.1:

- 1 Chỉ với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
- 2 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Độ Phân Giải Màn Hình**.
- 3 Nhấp vào danh sách Thả Xuống của Độ Phân Giải Màn Hình và chọn **1920 x 1080**.
- 4 Nhấp vào **OK**.

Trong Windows® 10:

- 1 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Thiết đặt màn hình**.
- 2 Nhấp vào **Thiết đặt hiển thị nâng cao**.
- 3 Nhấp vào danh sách của **Độ phân giải** và chọn **1920 x 1080**.
- 4 Nhấp vào **Áp dụng**.

Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn 1920 x 1080, bạn có thể cần phải cập nhật trình điều khiển đồ họa của bạn. Tùy thuộc vào máy tính của bạn, hãy hoàn thành một trong các bước sau đây:


Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Đi đến <http://www.dell.com/support>, nhập thẻ dịch vụ, và tải về trình điều khiển mới nhất cho cạc đồ họa của bạn.

Nếu máy tính của bạn không phải là máy Dell (di động hoặc để bàn):

- Đi đến trang web hỗ trợ cho máy tính của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.
- Đi đến trang web cạc đồ họa của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.


## Sử dụng chức năng Nghiêng

 **CHÚ Ý:** Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

### Nghiêng

Với chân đế được lắp vào màn hình, bạn có thể nghiêng màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.



 **CHÚ Ý:** Chân đế được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.

# Xử lý sự cố



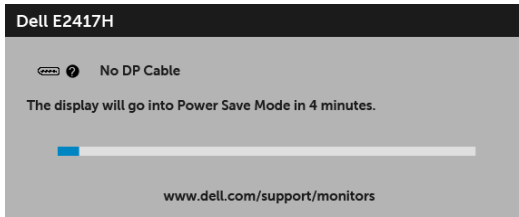
**CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#).

## Tự kiểm tra

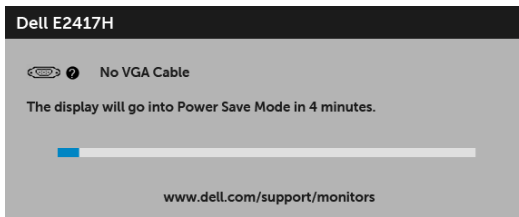
Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của bạn có hoạt động tốt hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, chạy tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

- 1 Tắt cả máy tính và màn hình.
- 2 Ngắt kết nối cáp video khỏi phía sau máy tính.
- 3 Bật màn hình.

Hộp thoại nổi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không nhận biết được tín hiệu video và đang hoạt động tốt. Trong khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy thuộc vào đầu vào được chọn, một trong các hộp thoại được hiển thị dưới đây sẽ tiếp tục cuộn qua màn hình.



hoặc



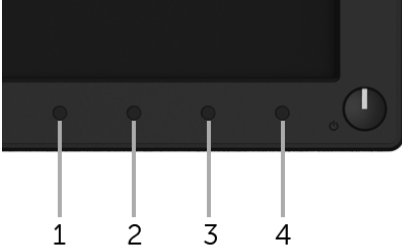
- 4 Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
  - 5 Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.
- Nếu màn hình của bạn vẫn trống sau khi đã sử dụng các bước trước đó, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính, do màn hình của bạn vẫn hoạt động tốt.

# Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp xác định sự bất thường của màn hình bạn đang gặp phải là do vấn đề của màn hình, hoặc do máy tính và các video.



**CHÚ Ý:** Bạn có thể chạy chẩn đoán tích hợp chỉ khi cáp video được rút bỏ và màn hình đang ở chế độ *tự kiểm tra*.



Để chạy chẩn đoán tích hợp:

- 1 Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi trên bề mặt màn hình).
- 2 Ngắt kết nối (các) cáp video khỏi phía sau máy tính hoặc màn hình. Khi đó màn hình sẽ vào chế độ tự kiểm tra.
- 3 Hãy nhấn và giữ **Nút 1** trong khoảng 5 giây. Màn hình xám sẽ xuất hiện.
- 4 Cẩn thận kiểm tra bất thường của màn hình.
- 5 Nhấn lại **Nút 1**. Màu màn hình đổi sang màu đỏ.
- 6 Kiểm tra bất thường của màn hình hiển thị.
- 7 Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra màn hình hiển thị trong màn hình màu xanh lá cây, xanh dương, đen, trắng và màn hình văn bản.

Việc kiểm tra hoàn tất khi màn hình văn bản xuất hiện. Để thoát, nhấn lại **Nút 1**.

Nếu bạn không phát hiện bất kỳ bất thường nào ở màn hình khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp, thì màn hình vẫn hoạt động tốt. Kiểm tra các màn hình và máy tính.

# Vấn Đề Thường Gặp

Bảng sau có các thông tin chung về các vấn đề bạn thường gặp phải với màn hình và các giải pháp có thể áp dụng:

Các Triệu Chứng Thường Gặp	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Không có video / đèn LED nguồn tắt	Không có ảnh	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li><li>• Đảm bảo ổ cắm điện hoạt động tốt bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.</li><li>• Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết cỡ.</li><li>• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu <a href="#">Input Source (Nguồn Đầu Vào)</a>.</li></ul>
Không có video / đèn LED nguồn bật	Không có ảnh hoặc không có độ sáng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.</li><li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.</li><li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li><li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li><li>• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu <a href="#">Input Source (Nguồn Đầu Vào)</a>.</li></ul>
Lấy Nét Kém	Hình ảnh bị mờ, lóa hoặc bóng mờ	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thực hiện <b>Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)</b> qua OSD.</li><li>• Chỉnh các điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)</b> qua OSD.</li><li>• Bỏ các cáp video nối dài.</li><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li><li>• Thay đổi độ phân giải video về đúng tỷ lệ khung hình.</li></ul>
Video bị rung/động	Ảnh lượn sóng hoặc chuyển động nhẹ	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thực hiện <b>Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)</b> qua OSD.</li><li>• Chỉnh các điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)</b> qua OSD.</li><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li><li>• Kiểm tra các yếu tố môi trường.</li><li>• Đặt lại vị trí màn hình và thử ở phòng khác.</li></ul>
Thiếu Điểm Ảnh	Màn hình LCD có các đốm	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tắt-bật lại nguồn.</li><li>• Điểm ảnh mà bị Tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li><li>• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</li></ul>



Điểm ảnh bị bám	Màn hình LCD có các đốm sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt-bật lại nguồn.</li> <li>Điểm ảnh mà bị tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li> <li>Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</li> </ul>
Vấn Đề Về Độ Sáng	Ảnh mờ hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Thực hiện <b>Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)</b> qua OSD.</li> <li>Điều chỉnh điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.</li> </ul>
Méo Hình	Màn hình không được căn giữa chính xác	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Thực hiện <b>Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)</b> qua OSD.</li> <li>Điều chỉnh điều khiển ngang và dọc qua OSD.</li> </ul> <p><b>CHÚ Ý:</b> Khi sử dụng đầu vào HDMI/DisplayPort, không sử dụng được điều chỉnh vị trí.</p>
Đường Kê Ngang/ Dọc	Màn hình có một hoặc nhiều đường kẻ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Thực hiện <b>Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)</b> qua OSD.</li> <li>Chỉnh các điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)</b> qua OSD.</li> <li>Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường kẻ này có trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> <li>Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul> <p><b>CHÚ Ý:</b> Khi sử dụng đầu vào HDMI/DisplayPort, không sử dụng được điều chỉnh <b>Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)</b> và <b>Phase (Pha)</b>.</p>
Vấn Đề Về Đồng Bộ	Màn hình bị xô lệch hoặc có vệt như bị rách	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Thực hiện <b>Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)</b> qua OSD.</li> <li>Chỉnh các điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Đồng Hồ Điểm Ảnh)</b> qua OSD.</li> <li>Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình xô lệch có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> <li>Khởi động lại máy tính trong <i>chế độ an toàn</i>.</li> </ul>
Các Vấn Đề Liên Quan Đến An Toàn	Dấu hiệu có thể nhìn thấy khói hoặc lửa	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không thực hiện bất kỳ bước xử lý sự cố nào.</li> <li>Liên hệ với Dell ngay.</li> </ul>

Các Vấn Đề Chập Chờn	Chập chờn khi bật và tắt màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li> <li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem các vấn đề chập chờn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.</li> </ul>
Thiếu Màu	Ảnh thị thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.</li> <li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li> <li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> </ul>
Sai Màu	Màu ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thay đổi cài đặt của <b>Preset Modes (Chế độ cài đặt sẵn)</b> trong OSD menu <b>Màu</b> tùy thuộc vào ứng dụng.</li> <li>• Điều chỉnh giá trị R/G/B trong <b>Màu Tùy Chỉnh</b> trong OSD menu <b>Color (Màu)</b>.</li> <li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>
Lưu ảnh từ ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong một thời gian dài	Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Luôn sử dụng tính năng Quản Lý Điện để tắt màn hình khi không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Chế Độ Quản Lý Điện</a>).</li> <li>• Ngoài ra, sử dụng bộ bảo vệ màn hình tự động thay đổi.</li> </ul>



**CHÚ Ý:** Khi chọn chế độ DP, sẽ không có chức năng **Auto Adjust (Tự Động Điều Chỉnh)**.

## Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm

Triệu Chứng Cụ Thể	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh được căn giữa vào màn hình, nhưng không phủ khắp khu vực xem	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra cài đặt <b>Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)</b> trong OSD menu <b>Display (Hiển Thị)</b>.</li><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li></ul>
Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển phía trước	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại, rồi bật lại màn hình.</li><li>• Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa không. Nếu có, nhấn và giữ nút phía trên nút Nguồn trong 6 giây để mở khóa (để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Lock (Khóa)</a>).</li></ul>
Không có Tín Hiệu Vào khi nhấn các điều khiển người dùng	Không có hình ảnh, đèn LED sáng trắng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện năng bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kỳ trên bàn phím.</li><li>• Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần.</li><li>• Khởi động lại máy tính hoặc đầu video.</li></ul>
Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình	Hình ảnh không lấp đầy chiều cao hoặc chiều rộng của màn hình	<ul style="list-style-type: none"><li>• Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình.</li><li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li></ul>

# Phụ Lục

---

## **CẢNH BÁO: Hướng Dẫn Về An Toàn**



**CẢNH BÁO:** Sử dụng điều khiển, điều chỉnh, hoặc các bước ngoài những nội dung được quy định trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, nguy cơ về điện, và/hoặc các mối nguy hiểm cơ học khác.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem Thông tin về An Toàn, Môi Trường Và Quy Định (SERI).

## **Thông Báo FCC (Chỉ U.S) Và Thông Tin Quy Định Khác**

Đối với các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại [www.dell.com/regulatory\\_compliance](http://www.dell.com/regulatory_compliance).

## **Liên hệ với Dell**

Đối với khách hàng ở Hoa Kỳ, gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).



**CHÚ Ý:** Nếu bạn không có kết nối Internet, bạn có thể tìm thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hóa đơn, hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell cung cấp một số lựa chọn dịch vụ và hỗ trợ qua điện thoại và trực tuyến. Sự sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến — [www.dell.com/support/monitors](http://www.dell.com/support/monitors)
- Liên hệ Dell — [www.dell.com/contactdell](http://www.dell.com/contactdell)